



BÁO CÁO VĨ MÔ

Tháng 8 2026

Lạm phát bật tăng trở lại
Sản xuất giữ đà mở rộng
Giải ngân đầu tư công tăng tốc



Chỉ tiêu	2025				2026							
	09	10	11	12	01	02	03	04	05	06	07	08
HOẠT ĐỘNG KINH TẾ												
Tổng GDP thực (YoY)	8.3	-	-	8.5	-	-	7.8	-	-	8.4	-	-
Tổng mức bán lẻ (YoY)	11.0	7.7	7.7	7.8	7.7	11.9	12.1	11.6	13.8	14.3	14.5	14.9
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	25.2	18.0	15.9	24.0	30.1	6.4	20.6	22.8	18.5	28.5	25.6	26.3
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	25.4	17.4	16.3	27.7	49.6	4.4	27.8	35.6	33.5	45.7	41.7	38.4
Chỉ số sản xuất công nghiệp (YoY)	13.6	10.8	10.8	10.1	19.4	1.0	6.9	9.3	10.1	12.7	14.5	14.4
PMI	50.4	54.5	53.8	53.0	52.5	54.3	51.2	50.5	52.8	51.8	52.9	53.3
FDI đăng ký (YoY)	-43.7	20.4	-47.3	-30.9	-40.5	34.2	125.1	7.7	43.2	215.4	32.2	25.4
FDI thực hiện (YoY)	6.8	11.4	9.5	9.5	11.3	6.3	9.3	11.9	8.7	16.3	15.4	13.9
Vốn đầu tư Ngân sách Nhà Nước (YoY)	36.0	33.2	28.5	29.1	26.6	2.5	10.9	16.7	21.7	28.0	28.9	26.1
CPI (%)	3.4	3.3	3.6	3.5	2.5	3.4	4.7	5.5	5.6	4.7	4.5	4.9
Tổng khách quốc tế (YoY)	19.5	22.1	15.6	15.7	18.5	17.7	1.3	22.8	16.5	14.7	6.6	18.4
TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ												
Tỷ giá USD/VND - Vietcombank (YTD)	3.5	3.1	3.4	3.2	-1.0	-0.6	-0.1	0.0	0.1	0.3	0.4	-0.4
Lãi suất huy động 12M bình quân nhóm Big4	4.7	4.7	4.8	5.3	5.4	5.3	6.2	5.9	5.9	5.9	5.9	5.9
Lãi suất huy động 12M bình quân 5 NHTM	5.2	5.2	5.5	5.5	5.5	5.5	6.4	6.1	5.9	5.9	5.9	5.9

Nhận định chung

- ❖ **Tăng trưởng giữ nhịp, sản xuất tiếp tục là điểm tựa.** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8 tăng 14.4% YoY và 1.5% MoM, đưa mức tăng lũy kế 8T 2026 lên 11.9% YoY (8T 2025: +8.5%) — cao nhất của giai đoạn 8 tháng trong nhiều năm. PMI đạt 53.3 điểm (tháng 7: 52.9 điểm), duy trì trên ngưỡng 50 tháng thứ 14 liên tiếp. Tổng mức bán lẻ tháng 8 tăng 14.9% YoY, mức cao nhất từ đầu năm.
- ❖ **Lạm phát quay lại sát trần mục tiêu.** CPI tháng 8 tăng 0.47% MoM và 4.89% YoY (tháng 7: +4.45% YoY), đưa CPI bình quân 8T 2026 lên 4.45% (8T 2025: +3.25%). Lạm phát cơ bản tháng 8 tăng 4.55% YoY, bình quân 8T ở mức 4.24%. Áp lực chủ yếu đến từ nhóm giao thông (+4.09% MoM, làm CPI chung tăng 0.41 điểm %) khi giá dầu diesel tăng 22.15% và giá xăng tăng 9.53%.
- ❖ **Nhập siêu vẫn là rủi ro lớn nhất.** Cán cân thương mại 8T 2026 thâm hụt 20.46 tỷ USD (8T 2025: xuất siêu 14.02 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 30.6 tỷ USD trong khi khu vực FDI xuất siêu 10.14 tỷ USD. Riêng tháng 8, thâm hụt thu hẹp mạnh về 0.12 tỷ USD từ mức 3.59 tỷ USD của tháng 7.

Tháng 8/2026

+14.9%

So với cùng kỳ

Luỹ kế 8T 2026

+13.3%

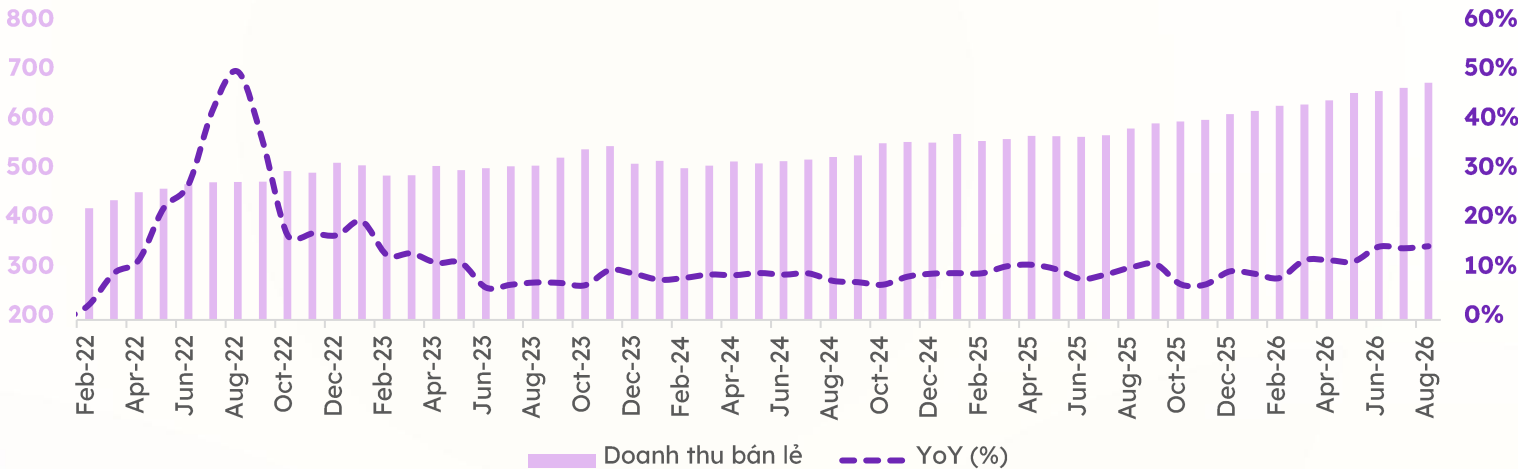
So với cùng kỳ

Khách quốc tế 8T 2026

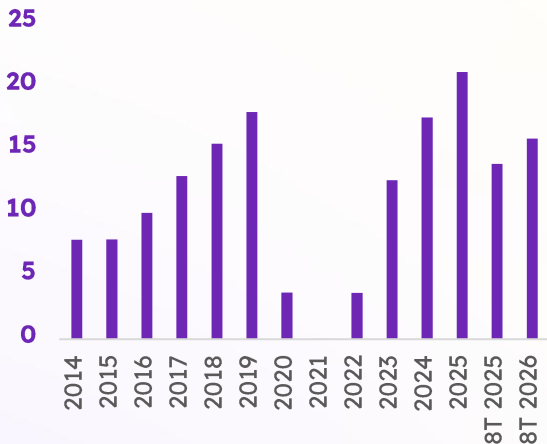
+14.4%

So với cùng kỳ

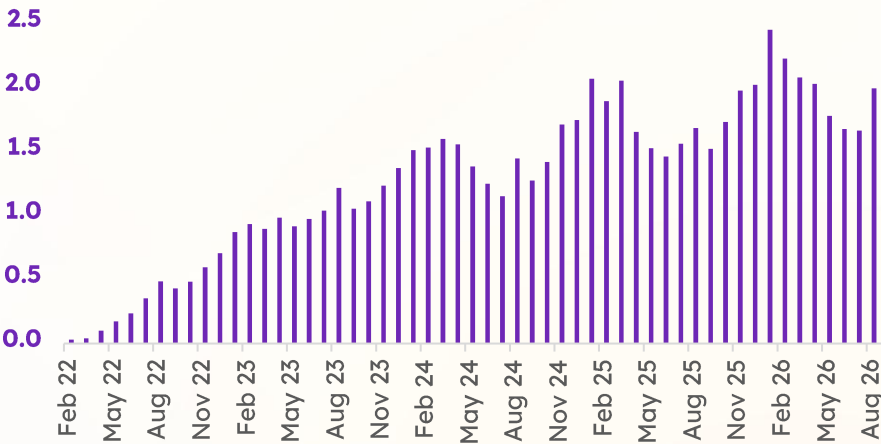
Doanh thu bán lẻ theo tháng



Khách quốc tế



Khách quốc tế



Nhận định chung

- ❖ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 8 đạt 679.8 nghìn tỷ đồng, tăng 1.6% MoM và 14.9% YoY (tháng 7: +14.5% YoY) — mức tăng theo tháng cao nhất từ đầu năm 2026. Lũy kế 8T 2026 đạt 5,235.5 nghìn tỷ đồng, tăng 13.3% YoY (8T 2025: +10.5%); loại trừ yếu tố giá, mức tăng thực chỉ đạt 7.6% (8T 2025: +7.5%).
- ❖ Khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực chính. Trong tháng 8, doanh thu lưu trú và ăn uống tăng 21.5% YoY, du lịch lữ hành tăng 19.2%, dịch vụ khác tăng 14.8%, trong khi bán lẻ hàng hóa tăng 13.8%. Lũy kế 8T 2026: bán lẻ hàng hóa đạt 3,947.6 nghìn tỷ đồng (chiếm 75.4% tổng mức; +12.8% YoY).
- ❖ Du lịch quốc tế tiếp tục là trụ đỡ. Khách quốc tế tháng 8 ước đạt 1.99 triệu lượt, tăng 19.7% MoM và 18.4% YoY. Lũy kế 8T 2026 đạt 15.9 triệu lượt (+14.4% YoY) — mức cao nhất của giai đoạn 8 tháng từ trước đến nay.
- ❖ Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng tiêu dùng nội địa duy trì đà tăng trong những tháng cuối năm, được hỗ trợ bởi (1) khách quốc tế tiếp tục lập đỉnh theo mùa cao điểm quý 4; (2) mùa mua sắm cuối năm và năm học mới; và (3) Nghị quyết 43/2026/QH16 ngày 24/08/2026 giảm thuế TNCN và TNDN cho một số cá nhân kinh doanh và doanh nghiệp, qua đó hỗ trợ sức cầu. Tuy nhiên, việc giá xăng dầu tăng trở lại trong tháng 8 là yếu tố cần theo dõi.

Xuất khẩu T8 2026

54.8 tỷ USD

+26.0% so với cùng kỳ

Nhập khẩu T8 2026

54.9 tỷ USD

+37.9% so với cùng kỳ

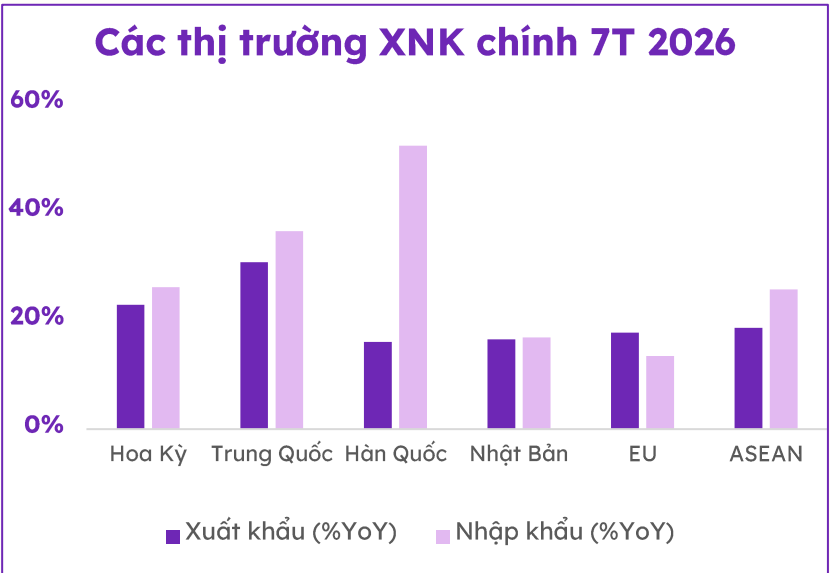
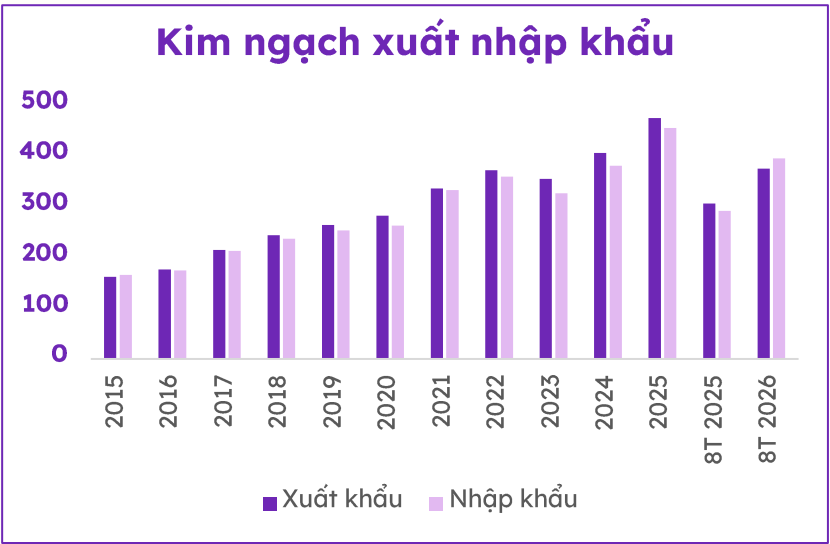
Thâm hụt TM 8T 2026

20.5 tỷ USD

Mức kỷ lục

Xuất khẩu	8T 25	8T 26	% YoY
Máy vi tính, SP điện tử và linh kiện	66.9	101.1	51.1%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	37.4	47.3	26.5%
Điện thoại các loại và linh kiện	38.2	45.6	19.4%
Hàng dệt, may	26.5	26.9	1.5%
Giày dép các loại	16.1	16.2	0.6%
Phương tiện vận tải và phụ tùng	11.5	13.4	16.5%

Nhập khẩu	8T 25	8T 26	% YoY
Máy vi tính, SP điện tử và linh kiện	96.0	161.6	68.3%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	38.8	47.4	22.2%
Vải các loại	9.9	10.2	2.7%
Kim loại thường khác	7.3	9.8	34.2%
Chất dẻo nguyên liệu	8.4	9.0	7.1%
Sản phẩm từ chất dẻo	6.9	8.0	15.9%



Nhận định chung

- ❖ Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 8 đạt 109.7 tỷ USD, giảm 0.1% MoM nhưng tăng 31.7% YoY. Trong đó, xuất khẩu đạt 54.79 tỷ USD (+3.2% MoM; +26.0% YoY) trong khi nhập khẩu đạt 54.91 tỷ USD (-3.1% MoM; +37.9% YoY), đưa cán cân thương mại tháng 8 về mức gần cân bằng.
- ❖ Chúng tôi cho rằng thâm hụt phản ánh nhu cầu đầu vào cho sản xuất mạnh thay vì xuất khẩu suy yếu: nhóm tư liệu sản xuất chiếm 94.1% tổng kim ngạch nhập khẩu 8T (372.04 tỷ USD), trong đó máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 57.6% và nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 36.5%; nhóm vật phẩm tiêu dùng chỉ đạt 23.26 tỷ USD (5.9%). Theo thị trường, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất (122.0 tỷ USD) và Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất (161.9 tỷ USD); xuất siêu sang Hoa Kỳ đạt 106.6 tỷ USD (+22.7% YoY), sang EU 31.4 tỷ USD (+22.8%), trong khi nhập siêu từ Trung Quốc 107.7 tỷ USD (+41.7%) và từ Hàn Quốc 37.8 tỷ USD (+89.4%).
- ❖ Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng cán cân thương mại tiếp tục cải thiện trong mùa cao điểm xuất khẩu quý 4, khi nhu cầu nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ các dự án FDI mới bước qua giai đoạn cao điểm. Tuy nhiên, chỉ số đơn hàng xuất khẩu mới theo khảo sát PMI đã giảm nhẹ lần đầu sau bốn tháng trong tháng 8, cùng với Thông tư 124/2026/TT-BTC ngày 22/08/2026 bổ sung quy định xác định xuất xứ hàng hóa xuất nhập khẩu là những biến số cần theo dõi sát.

IIP tháng 8/2026

+14.4%

So với cùng kỳ

IIP lũy kế 8T 2026

+11.9%

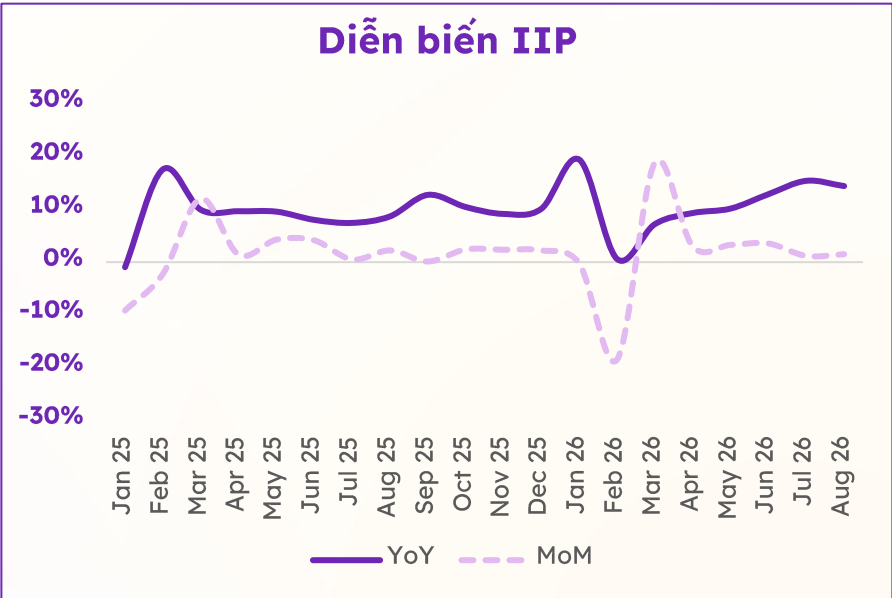
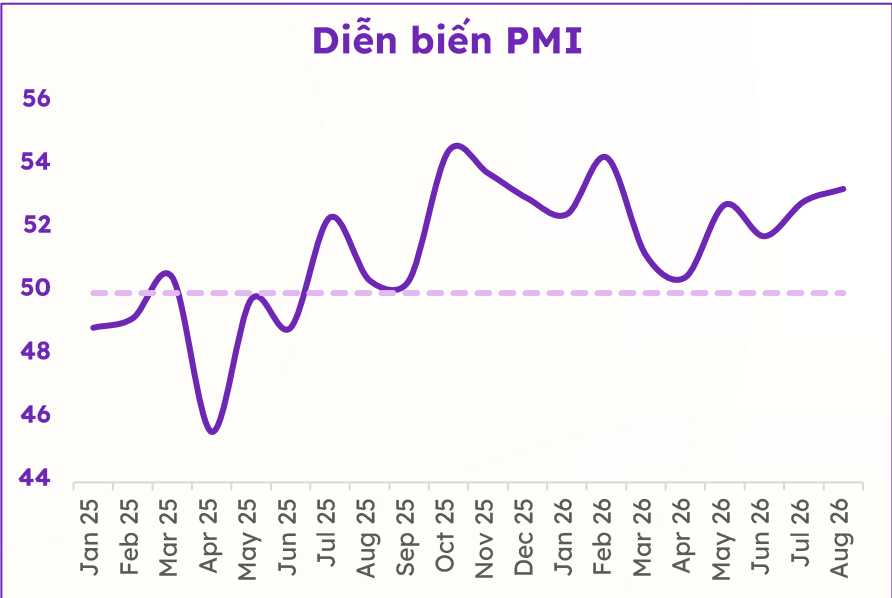
So với cùng kỳ

PMI tháng 8/2026

53.3

Tháng 7/2026: 52.9

Nhóm ngành	Luỹ kế 8T 25	Luỹ kế 8T 26
IIP chung	8.5%	11.9%
Sản xuất, chế biến thực phẩm	10.1%	11.6%
Sản xuất đồ uống	2.6%	16.4%
Dệt	8.1%	9.6%
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	9.5%	9.0%
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	6.7%	11.9%
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	17.5%	12.3%
Sản xuất kim loại	10.5%	22.4%
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính...	7.5%	13.9%
Sản xuất thiết bị điện	5.1%	14.6%
Sản xuất xe có động cơ	27.4%	15.9%
Sản xuất phương tiện vận tải khác	9.3%	11.0%
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	11.8%	12.7%



Nhận định chung

- ❖ Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8 tăng 1.5% MoM và 14.4% YoY, đưa mức tăng lũy kế 8T 2026 lên 11.9% YoY (8T 2025: +8.5%) — mức tăng cao nhất của 8 tháng trong nhiều năm qua.
- ❖ Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực chính với mức tăng 14.6% YoY trong tháng 8; lũy kế 8T tăng 12.5% (8T 2025: +10.0%), đóng góp 9.6 điểm % vào mức tăng chung. Khai khoáng tăng 8.1% (8T 2025: -2.1%), đóng góp 1.3 điểm %.
- ❖ Đà cải thiện được xác nhận bởi PMI tháng 8 đạt 53.3 điểm (tháng 7: 52.9 điểm), duy trì trên ngưỡng 50 tháng thứ 14 liên tiếp. Sản lượng tăng với tốc độ nhanh nhất trong hơn hai năm và đơn hàng mới tăng mạnh nhất kể từ tháng 10/2025.
- ❖ Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng sản xuất công nghiệp tiếp tục là điểm sáng của tăng trưởng trong 2H26, được hỗ trợ bởi đơn hàng trong nước cải thiện, dòng vốn FDI giải ngân vào chế biến, chế tạo ở mức cao và chi phí đầu vào hạ nhiệt. Tuy nhiên, đơn hàng xuất khẩu mới giảm nhẹ lần đầu sau bốn tháng và việc làm theo khảo sát PMI tiếp tục thu hẹp là biến số cần theo dõi sát trong quý 4.

CPI tháng 8/2026

0.47%

So với tháng trước

CPI tháng 8/2026

+4.89%

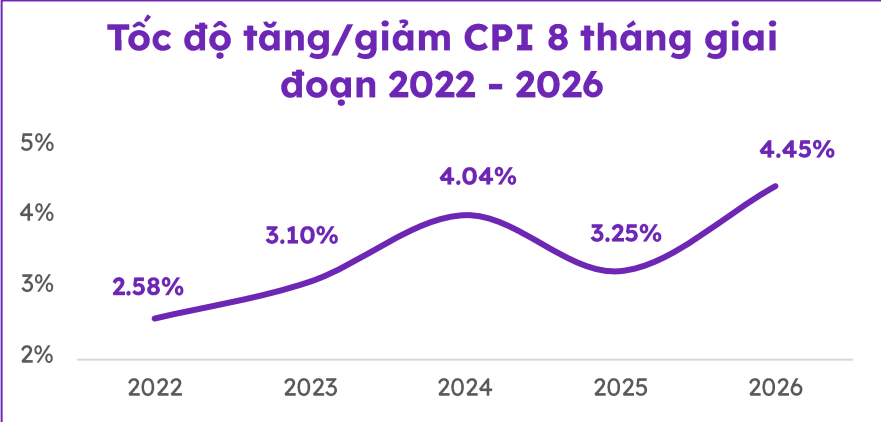
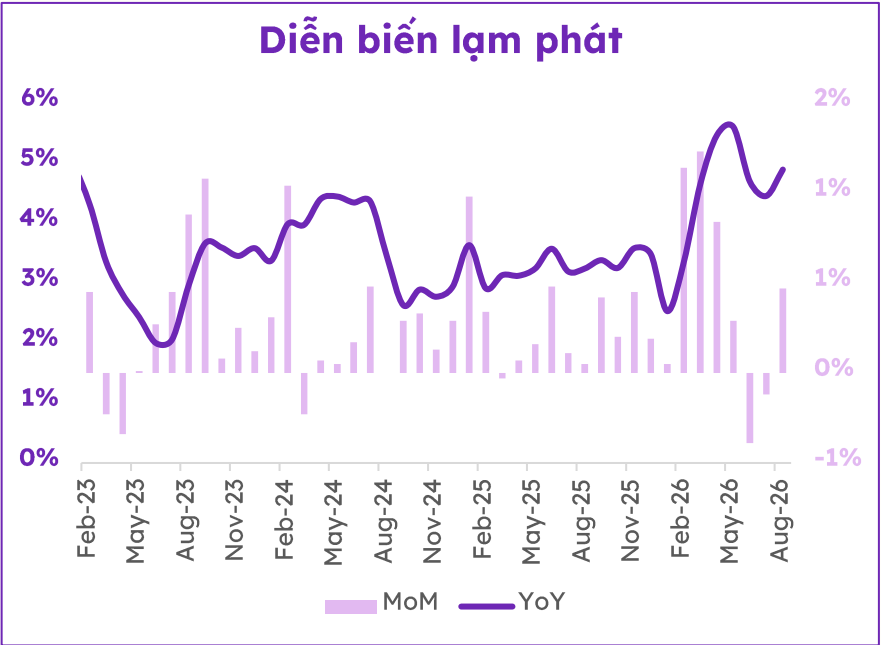
So với cùng kỳ

CPI bình quân 8T 2026

+4.45%

So với 8T 2025

Nhóm ngành	BQ 8T/25	BQ 8T/26
CPI chung	3.25%	4.45%
Lương thực, thực phẩm & DV ăn uống	3.46%	4.76%
Đồ uống & thuốc lá	2.19%	3.67%
Quần áo, giày dép & mũ	1.25%	2.03%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	6.06%	6.71%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	1.63%	2.79%
Thuốc & dịch vụ y tế	13.59%	1.08%
Giao thông	-3.41%	5.38%
Viễn thông	-0.46%	0.09%
Giáo dục	1.65%	3.42%
Văn hóa, thể thao & giải trí	1.99%	2.71%
Hàng hóa & dịch vụ khác	5.69%	4.46%



Nhận định chung

- CPI tháng 8 tăng 0.47% MoM và 4.89% YoY đưa CPI bình quân 8T 2026 lên 4.45%. Lạm phát cơ bản tháng 8 tăng 0.11% MoM và 4.55% YoY; bình quân 8T ở mức 4.24%, thấp hơn 0.21 điểm % so với CPI bình quân chung. Trong tháng, 10/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng.
- Áp lực tăng giá tập trung ở nhóm giao thông với mức tăng 4.09% MoM, làm CPI chung tăng 0.41 điểm %, chủ yếu do giá dầu diesel tăng 22.15% và giá xăng tăng 9.53% sau các đợt điều chỉnh giá trong nước. Nhóm giáo dục tăng 0.47% trước thêm năm học mới (giá dịch vụ giáo dục +0.57%); nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0.10% khi giá dầu hỏa tăng 4.63% và gas tăng 4.19%, bù trừ mức giảm 1.33% của giá điện sinh hoạt. Ở chiều ngược lại, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0.03%, góp phần làm CPI chung giảm 0.01 điểm %.
- Triển vọng: Chúng tôi cho rằng áp lực lạm phát tháng 8 chủ yếu đến từ biến động giá năng lượng thay vì sự lan tỏa rộng của mặt bằng giá, khi nhóm lương thực - thực phẩm vẫn giảm nhẹ. Tuy nhiên, với CPI so cùng kỳ đã tiến sát ngưỡng 5% và lạm phát cơ bản duy trì trên 4.5%, dư địa nới lỏng chính sách tiền tệ trong những tháng cuối năm là rất hạn chế. Trọng tâm theo dõi sắp tới là diễn biến giá xăng dầu thế giới.

FDI đăng ký tháng 8/2026

2.57 tỷ

+25.4% So với cùng kỳ

FDI đăng ký 8T 2026

40.6 tỷ

+55.4% So với cùng kỳ

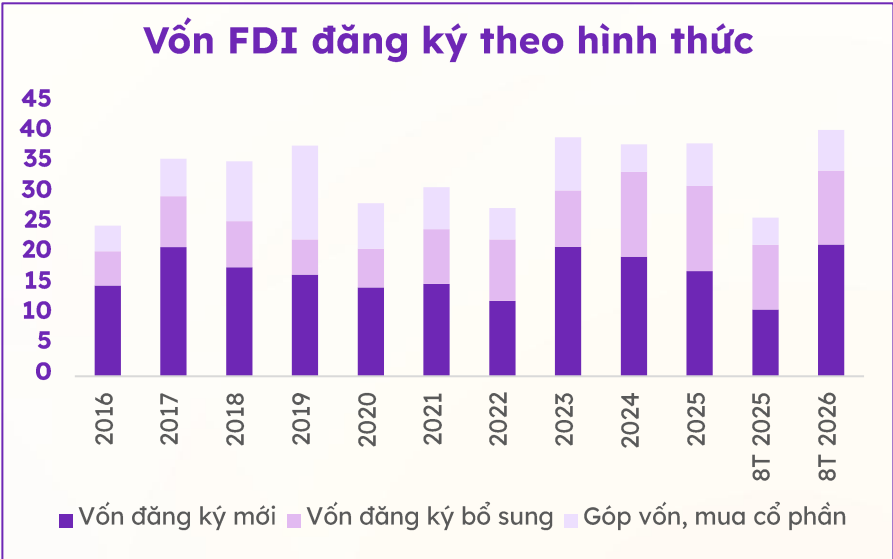
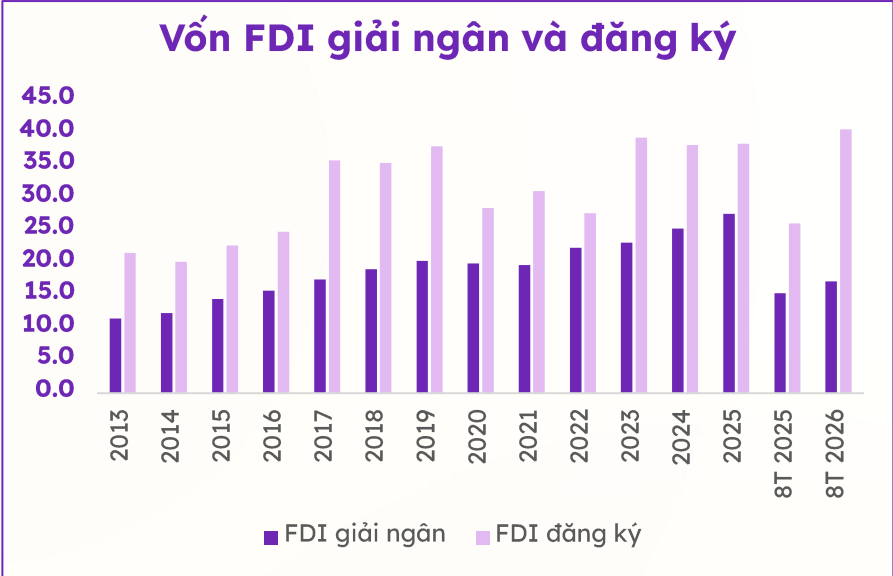
FDI giải ngân 8T 2026

17.3 tỷ

+12.0% So với cùng kỳ

Theo ngành (7T 2026)	Tỷ USD	Tỷ trọng
CN chế biến, chế tạo	18.7	49.1%
Bất động sản	5.7	14.9%
Tiện ích cơ bản (điện, nước & khí)	3.3	8.6%
Thông tin & truyền thông	3.2	8.4%
Khoa học & công nghệ	3.0	7.9%
Bán buôn & bán lẻ	2.4	6.3%

Theo đối tác (7T 2026)	Tỷ USD	Tỷ trọng
Singapore	10.4	27.3%
Hàn Quốc	8.2	21.6%
Hồng Kông	4.9	12.9%
Trung Quốc	3.7	9.7%
Malaysia	3.0	8.0%



Nhận định chung

- ❖ Tính đến ngày 31/8/2026, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 40.63 tỷ USD, tăng 55.4% YoY và đã vượt quy mô của cả năm 2025 (38.42 tỷ USD). Riêng tháng 8, vốn đăng ký đạt 2.57 tỷ USD (+25.4% YoY) và vốn giải ngân đạt 2.05 tỷ USD (+13.9% YoY). Vốn FDI thực hiện 8T 2026 đạt 17.25 tỷ USD, tăng 12.0% YoY – mức cao nhất của giai đoạn 8 tháng trong 5 năm qua.
- ❖ Dòng vốn thực hiện tiếp tục hướng vào năng lực sản xuất: công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 14.24 tỷ USD, chiếm 82.6% tổng vốn FDI thực hiện; kinh doanh bất động sản 1.29 tỷ USD (7.5%); sản xuất, phân phối điện, khí đốt 622.9 triệu USD (3.6%). Về đối tác, trong 73 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án cấp phép mới trong 8T 2026, Singapore dẫn đầu (7.62 tỷ USD; chiếm 35.1% vốn cấp mới), tiếp đến là Hàn Quốc (5.67 tỷ USD; 26.1%) và Hồng Kông (2.96 tỷ USD; 13.6%).
- ❖ Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng dòng vốn FDI duy trì vững chắc trong những tháng cuối năm, khi tỷ trọng vốn thực hiện vào chế biến, chế tạo ở mức 82.6% cho thấy cam kết mở rộng năng lực sản xuất tại Việt Nam vẫn được duy trì. Nghị quyết 10-NQ/TW về phát triển khu vực có vốn đầu tư nước ngoài định hướng thu hút FDI theo chiều sâu, gắn với chuyển giao công nghệ và tăng liên kết với doanh nghiệp trong nước, qua đó kỳ vọng nâng chất lượng dòng vốn trong trung hạn.

Thu NSNN 8T 2026

+16.0% YoY

Đạt 80.0% kế hoạch năm

Chi NSNN 8T 2026

+13.3% YoY

Đạt 50.9% kế hoạch năm

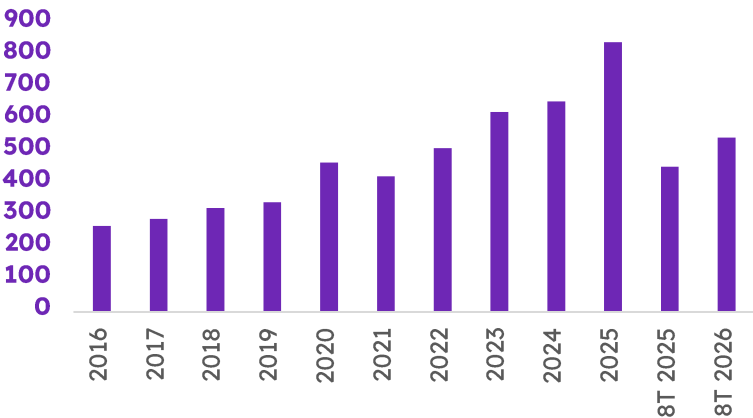
Giải ngân đầu tư công 8T

+18.5% YoY

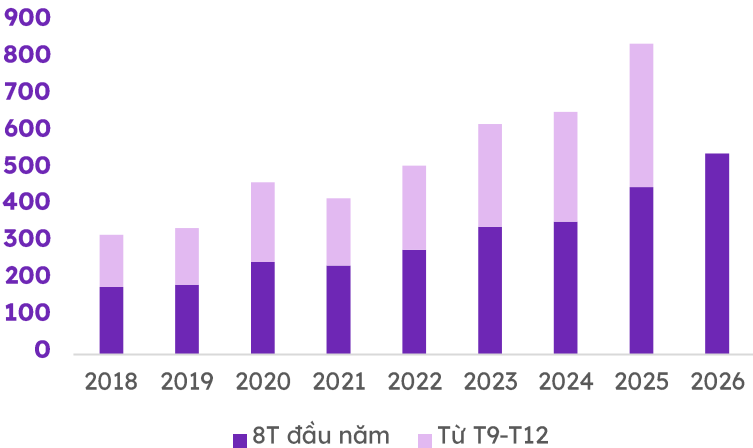
Đạt 50.5% kế hoạch năm

Đơn vị: nghìn tỷ đồng	7T-26	% KH	% YoY
Thu ngân sách	2,023.8	80.0%	16.0%
Thu nội địa	1,752.9	79.7%	16.6%
Thu từ dầu thô	43.6	101.5%	31.5%
Thu từ hoạt động XNK	223.9	80.6%	7.9%
Khác	3.4		
Chi ngân sách	1,608.3	50.9%	13.3%
Chi thường xuyên	1,015.0	56.1%	4.9%
Chi đầu tư phát triển	514.6	45.9%	35.4%
Chi trả nợ lãi	76.7	63.3%	11.2%
Khác	2.0		
Cán cân ngân sách	415.5		

Giải ngân đầu tư công (nghìn tỷ VNĐ)

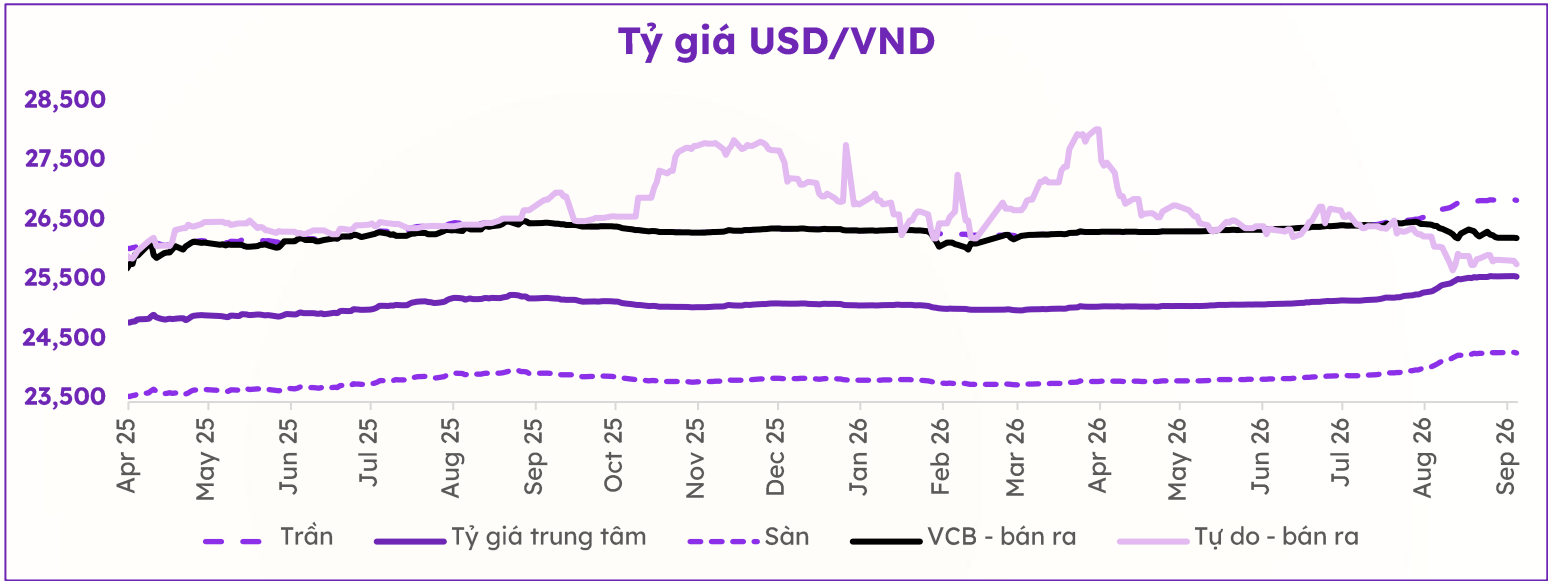


Tiến độ giải ngân đầu tư công

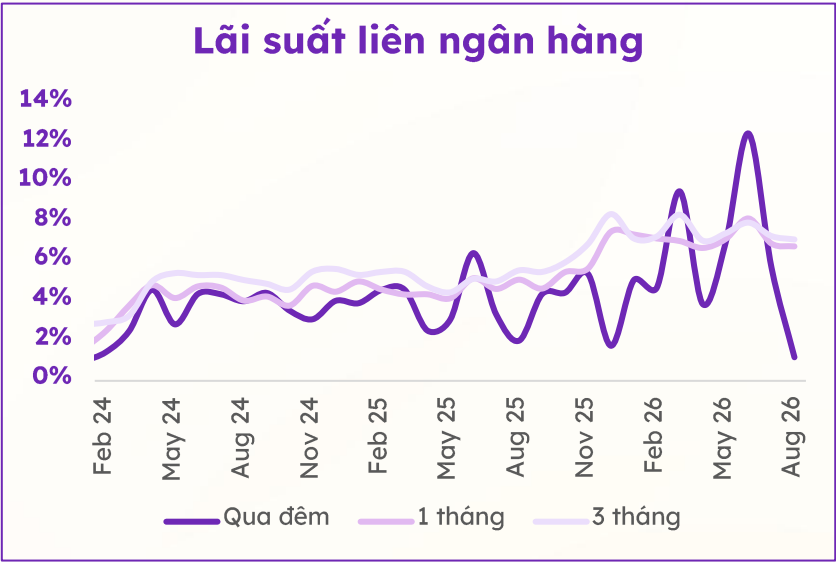


Nhận định chung

- ❖ Theo Cục Thống kê, tổng thu ngân sách Nhà nước 8T 2026 ước đạt 2,023.8 nghìn tỷ đồng, tăng 16.0% YoY và bằng 80.0% dự toán năm. Ở chiều chi, tổng chi NSNN 8T 2026 ước đạt 1,608.3 nghìn tỷ đồng, tăng 13.3% YoY và bằng 50.9% dự toán năm.
- ❖ Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tháng 8 đạt 105.7 nghìn tỷ đồng (+24.1% YoY). Lũy kế 8T 2026 đạt 546.8 nghìn tỷ đồng, bằng 50.5% kế hoạch năm và tăng 18.5% YoY (8T 2025: bằng 45.3% kế hoạch và +26.4%). Động lực tập trung ở khu vực địa phương với 470.9 nghìn tỷ đồng (50.9% kế hoạch; +20.4% YoY), vượt xa mức tăng 7.9% của vốn Trung ương. Theo số liệu Bộ Tài chính, tính đến ngày 20/8/2026, giải ngân đầu tư công đạt khoảng 477.2 nghìn tỷ đồng, tương đương 46.7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.
- ❖ Triển vọng: Chúng tôi kỳ vọng giải ngân đầu tư công tiếp tục tăng tốc trong quý 4 khi áp lực hoàn thành kế hoạch gia tăng và nhiều dự án hạ tầng trọng điểm bước vào giai đoạn thi công cao điểm. Kỷ luật thực thi được củng cố bởi Nghị quyết 216/NQ-CP đặt mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2026. Ở chiều ngược lại, vướng mắc giải phóng mặt bằng, phân bổ vốn và chi phí vật liệu xây dựng tăng vẫn là các trở lực chính.



Lãi suất liên ngân hàng	T6 26	T7 26	T8 26
Qua đêm	12.49%	5.72%	1.19%
1 tuần	7.26%	4.83%	7.33%
1 tháng	8.20%	6.93%	6.79%
3 tháng	7.99%	7.31%	7.14%



Tỷ giá USD/VND

- Tỷ giá USD/VND hạ nhiệt ở cả kênh ngân hàng thương mại và thị trường tự do trong tháng 8, sau giai đoạn chịu áp lực các tháng trước. Theo Cục Thống kê, chỉ số giá đô la Mỹ trong nước tháng 8 giảm 0.38% MoM và giảm 0.36% YoY.
- Ba lực đỡ chính: (1) chỉ số USD bình quân trên thị trường quốc tế tháng 8 (tính đến 5/9) ở mức 99.16 điểm; (2) nguồn cung ngoại tệ từ FDI và (3) cân cân thương mại tháng 8 gần như cân bằng. Ở chiều ngược lại, nhập siêu lũy kế 20.46 tỷ USD vẫn là ẩn số đáng lưu ý nhất.

Lãi suất liên ngân hàng

- Ngân hàng Nhà nước (NHNN) duy trì trạng thái hỗ trợ thanh khoản qua kênh thị trường mở (OMO) trong tháng 8, đặc biệt ở giai đoạn cuối tháng khi nhu cầu vốn ngắn hạn gia tăng trước kỳ nghỉ lễ 2/9. Quy mô OMO đạt 229.8 nghìn tỷ đồng, tăng 33.1% MoM. Động thái này tiếp nối các điều chỉnh trước đó về tỷ lệ dư nợ trên tiền gửi (LDR), cơ cấu nguồn vốn và việc tính tiền gửi Kho bạc Nhà nước vào nguồn vốn huy động, qua đó tạo thêm dư địa cân đối vốn cho hệ thống.

Triển vọng: Chúng tôi cho rằng áp lực tỷ giá nhiều khả năng tiếp tục được kiểm soát trong ngắn hạn nhờ chênh lệch lãi suất VND – USD thuận lợi, nguồn cung ngoại tệ từ FDI ổn định và điều hành linh hoạt của NHNN. Về lãi suất, thanh khoản dồi dào và cơ chế mới về tiền gửi Kho bạc Nhà nước trong tính toán LDR giúp giảm áp lực huy động vốn tại các ngân hàng. Tuy nhiên, quy mô bơm vốn nhiều khả năng vẫn được điều tiết thận trọng để cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng tín dụng với áp lực lạm phát đang tiến sát ngưỡng 5%.

Tăng trưởng 8T 2026 giữ nhịp, dư địa chính sách tiếp tục thu hẹp VN-Index cần thanh khoản xác nhận cho một pha tăng mới

Nền tảng trưởng

Đà tăng 8T 2026 duy trì tích cực, dẫn dắt bởi sản xuất công nghiệp, khu vực dịch vụ và dòng vốn đầu tư toàn xã hội.

Sản xuất & thương mại

IIP 8T tăng 11.9% — cao nhất nhiều năm, lan tỏa ở toàn bộ 34 địa phương; xuất nhập khẩu đạt kỷ lục 770.1 tỷ USD.

Dòng vốn FDI

Vốn đăng ký 8T đạt 40.6 tỷ USD, vượt cả năm 2025; giải ngân 17.3 tỷ USD — cao nhất 5 năm. Ngành hưởng lợi: KCN, logistics.

Đầu tư công

Vốn thực hiện đạt 50.5% kế hoạch năm (+18.5% YoY), vượt tiến độ cùng kỳ và thường tăng tốc quý 4. Ngành hưởng lợi: hạ tầng, vật liệu, thép.

Tiêu dùng – bán lẻ

Bán lẻ phục hồi nhưng sức mua thực vẫn chịu áp lực từ mặt bằng giá. Du lịch tăng trưởng mạnh nhờ lượng khách quốc tế và nội địa gia tăng.

Lạm phát & nhập siêu

CPI tháng 8 lên 4.89% YoY, bình quân 8T ở mức 4.45% — sát trần mục tiêu. Nhập siêu 20.5 tỷ USD gây áp lực lên tỷ giá.

QUAN ĐIỂM NGÀNH

Ngành	Quan điểm	Động lực/Rủi ro chính
Chứng khoán	Tích cực	Kỳ vọng nâng hạng, thanh khoản cải thiện, dư nợ margin tăng
Ngân hàng	Tích cực	Tăng trưởng tín dụng và nhu cầu vốn cho sản xuất, hạ tầng
Đầu tư công / VLXD	Tích cực	Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong nửa cuối năm
KCN / Logistics	Tích cực	FDI đăng ký và giải ngân tăng mạnh, nhu cầu mở rộng sản xuất
Tiêu dùng – Bán lẻ	Trung lập	Tiêu dùng tăng nhưng sức mua thực chịu áp lực lạm phát
Bất động sản	Tiêu cực	Mặt bằng lãi suất cao

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

- Lãi suất:** Neo cao khiến chênh lệch lợi suất giữa kênh cổ phiếu và tiền gửi thu hẹp, làm chậm quá trình dịch chuyển dòng tiền vào thị trường
- Lạm phát:** CPI so cùng kỳ đã lên 4.89%, sát ngưỡng 5%; lạm phát cơ bản 4.55% — mặt bằng lãi suất khó giảm sâu nửa cuối năm.
- Nhập siêu:** Thâm hụt 20.5 tỷ USD trong 8T, tập trung ở khu vực trong nước (-30.6 tỷ USD), gây áp lực lên tỷ giá và dự trữ ngoại hối.
- Quốc tế:** địa chính trị, lãi suất cao tại các nền kinh tế lớn và vấn đề thuế quan liên quan đến Section 301 về Sở hữu trí tuệ và Dư thừa công suất.

Triển vọng: Cơ hội nửa cuối năm mang tính phân hóa theo ngành thay vì lan tỏa toàn thị trường, thanh khoản HoSE là chỉ báo dẫn dắt quan trọng nhất.

Thank you

Khối Phân tích & Nghiên cứu
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (TCSC)

Khuyến cáo

Các thông tin và nhận định trong báo cáo này được cung cấp bởi TCSC dựa vào các nguồn thông tin mà TCSC coi là đáng tin cậy, có sẵn và mang tính hợp pháp. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này.

Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này cần lưu ý rằng các nhận định trong báo cáo này mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích TCSC. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

TCSC có thể dựa vào các thông tin trong báo cáo này và các thông tin khác để ra quyết định đầu tư của mình mà không bị phụ thuộc vào bất kì ràng buộc nào về mặt pháp lý đối với các thông tin đưa ra.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này. Các thông tin có liên quan đến chứng khoán khác hoặc các thông tin chi tiết liên quan đến cổ phiếu này có thể được xem tại hoặc sẽ được cung cấp khi có yêu cầu chính thức.